

Số: 06 /2024/TT-BTC

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2024

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Gửi: S
	Ngày: 31/01/2024

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Người khai hải quan, người nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (gọi chung là người khai hải quan).”

b) Bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Thông tư này không áp dụng đối với tổ chức quy định tại điểm c khoản 4 Điều 3 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016.”

2. Bổ sung điểm đ.9 khoản 1 Điều 6 như sau:

“đ.9) Thông tin tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Xây dựng tiêu chí, chỉ số tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật, tiêu chí, chỉ số tiêu chí phân loại mức độ rủi ro đối với người khai hải quan;”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 như sau:

“g) Tổ chức phát triển quan hệ hợp tác giữa hải quan và doanh nghiệp (tổ chức thực hiện chương trình khuyến khích tự nguyện tuân thủ; tổ chức thực hiện trao đổi, cung cấp thông tin, hỗ trợ người khai hải quan nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật quản lý thuế và pháp luật thuế).”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Phân loại mức độ tuân thủ pháp luật đối với người khai hải quan

Cơ quan Hải quan thực hiện đánh giá phân loại mức độ tuân thủ pháp luật đối với người khai hải quan có hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh trong 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá theo một trong các mức độ tuân thủ pháp luật như sau:

1. Mức 1: Doanh nghiệp ưu tiên.
2. Mức 2: Doanh nghiệp tuân thủ mức rất cao.
3. Mức 3: Doanh nghiệp tuân thủ mức cao.
4. Mức 4: Doanh nghiệp tuân thủ mức trung bình.
5. Mức 5: Doanh nghiệp không tuân thủ.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật đối với người khai hải quan

1. Tiêu chí đánh giá doanh nghiệp ưu tiên (Mức 1) thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp.

2. Tiêu chí đánh giá người khai hải quan tuân thủ mức rất cao (Mức 2) quy định tại Phần I, Phần II, Phần III, Phần IV và tiêu chí đánh giá doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi tuân thủ mức rất cao (Mức 2) quy định tại Phần V Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Tiêu chí đánh giá người khai hải quan tuân thủ mức cao (Mức 3) quy định tại Phần I, Phần II, Phần III, Phần IV và tiêu chí đánh giá doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi tuân thủ mức cao (Mức 3) quy định tại Phần V Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Tiêu chí đánh giá người khai hải quan tuân thủ mức trung bình (Mức 4) quy định tại Phần I, Phần II, Phần III, Phần IV và tiêu chí đánh giá doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi tuân thủ mức trung bình (Mức 4) quy định tại Phần V Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Tiêu chí đánh giá người khai hải quan không tuân thủ (Mức 5) quy định tại Phần I, Phần II, Phần III, Phần IV và tiêu chí đánh giá doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi không tuân thủ (Mức 5) quy định tại Phần V Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Phân loại mức độ rủi ro của người khai hải quan

Người khai hải quan được phân loại mức độ rủi ro theo một trong những hạng sau:

1. Hạng 1: Doanh nghiệp ưu tiên là doanh nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Thông tư này.

2. Hạng 2: Người khai hải quan rủi ro rất thấp.

3. Hạng 3: Người khai hải quan rủi ro thấp.

4. Hạng 4: Người khai hải quan rủi ro trung bình.

5. Hạng 5: Người khai hải quan rủi ro cao.

6. Hạng 6: Người khai hải quan rủi ro rất cao.

7. Hạng 7: Người khai hải quan không có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong 365 ngày trở về trước tính từ ngày đánh giá và chưa từng bị xử lý về các hành vi vi phạm trong lĩnh vực hải quan và lĩnh vực khác do cơ quan hải quan xử phạt.

8. Hạng 8: Người khai hải quan không có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong 365 ngày trở về trước tính từ ngày đánh giá và đã từng bị xử lý về các hành vi vi phạm trong lĩnh vực hải quan và lĩnh vực khác do cơ quan hải quan xử phạt, trừ các hành vi quy định đối với Hạng 9 tại Điều này.

9. Hạng 9: Người khai hải quan không có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong 365 ngày trở về trước tính từ ngày đánh giá và đã từng bị xử lý vi phạm thuộc một trong các hành vi quy định tại Mục I, Mục II Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Tiêu chí phân loại mức độ rủi ro người khai hải quan

Mức độ rủi ro người khai hải quan từ Hạng 2 đến Hạng 6 được phân loại theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và quy định sau:

1. Mức độ tuân thủ của người khai hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Thời gian thành lập; trụ sở hoạt động; quy mô nhà xưởng; số lượng nhân viên; loại hình doanh nghiệp; thông tin về chủ doanh nghiệp; vốn; tham gia thị trường chứng khoán; chứng chỉ phù hợp Tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001.

3. Thời gian, tần suất hoạt động, tuyến đường; hàng hóa, loại hình xuất khẩu, nhập khẩu; kim ngạch hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tổng số thuế đã nộp; doanh thu, lợi nhuận; kết quả thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm tra sau thông quan, điều tra, thanh tra của cơ quan hải quan, cơ quan thuế và các cơ quan khác liên quan; kết quả kiểm tra của cơ quan Hải quan đối với các thông tin liên quan đến điều kiện thành lập, công nhận doanh nghiệp cảng, kho, bãi; kết quả kiểm tra của cơ quan Hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi trong việc thực hiện quy định về giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh.

4. Tần suất, tính chất, mức độ vi phạm và việc chấp hành pháp luật hải quan, pháp luật về quản lý thuế và chấp hành pháp luật thuế; chấp hành pháp luật bưu chính, vận tải, thương mại, tiêu chuẩn đo lường chất lượng và pháp luật khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

5. Lịch sử vi phạm liên quan đến chủ hàng hóa, người gửi hàng, người nhận hàng.

6. Mục tiêu, yêu cầu quản lý hải quan trong từng thời kỳ.

7. Dấu hiệu rủi ro, dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan, pháp luật quản lý thuế và pháp luật thuế.

8. Hợp tác với cơ quan hải quan trong việc cung cấp thông tin doanh nghiệp.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 17 như sau:

“9. Kết quả đánh giá tuân thủ pháp luật, phân loại mức độ rủi ro đối với doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi; doanh nghiệp cung ứng các dịch vụ cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. Việc đánh giá tuân thủ pháp luật, phân loại mức độ rủi ro đối với doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi được thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Thông tư này.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 18 như sau:

“1. Mức độ rủi ro của người khai hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh được hệ thống tự động phân loại định kỳ, trên cơ sở xử lý dữ liệu, thông tin hải

quan theo các yếu tố quy định tại Điều 15 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, Điều 15 và Điều 17 Thông tư này.

3. Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan chưa tự động điều chỉnh và phân loại mức độ rủi ro, việc cập nhật kết quả phân loại mức độ rủi ro đối với người khai hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho bãi, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh được thực hiện thủ công bởi công chức hải quan.”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 19 như sau:

“4. Tiêu chí xây dựng Danh mục hàng hoá rủi ro tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.”.

11. Bổ sung điểm m khoản 1 Điều 20 như sau:

“m) Quyết định phương thức giám sát việc tiêu hủy phế liệu, phế phẩm.”.

12. Sửa đổi, bổ sung điểm c.3 khoản 1 Điều 22 như sau:

“c.3) Kiểm tra bằng nghiệp vụ phân tích, kiểm định ở các đơn vị kiểm định hải quan, trạm kiểm định di động hải quan hoặc giám định theo quy định.”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

“Điều 26. Phân loại, quyết định kiểm tra hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Căn cứ các quy định của pháp luật quản lý thuế, pháp luật thuế và mức độ rủi ro đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, cơ quan hải quan phân loại hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế, áp dụng biện pháp quản lý và thông báo trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan như sau:

1. Rủi ro cao: Kiểm tra trước, hoàn thuế sau.

2. Rủi ro trung bình: Hoàn thuế trước, kiểm tra sau và thực hiện kiểm tra trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019.

3. Rủi ro thấp: Hoàn thuế trước, kiểm tra sau và thực hiện kiểm tra ngẫu nhiên trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019.”.

14. Bổ sung Điều 31a như sau:

“Điều 31a. Quyết định phương thức giám sát việc tiêu hủy phế liệu, phế phẩm trong hoạt động quản lý hàng hoá gia công, sản xuất xuất khẩu, hàng hoá của doanh nghiệp chế xuất

Căn cứ mức độ rủi ro trong quá trình giám sát việc tiêu hủy phế liệu, phế phẩm, các thông tin tại văn bản của người khai hải quan gửi về phương án sơ hủy, tiêu hủy nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, phế liệu, phế phẩm và các

thông tin nghiệp vụ tại thời điểm ra quyết định, cơ quan hải quan quyết định việc giám sát và thông báo trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan như sau:

1. Rủi ro cao: Thực hiện giám sát trực tiếp.
2. Rủi ro trung bình, thấp: Thực hiện giám sát bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật.”.

15. Bổ sung điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 33 như sau:

“d) Danh sách doanh nghiệp trọng điểm về trị giá hải quan theo từng thời kỳ;

đ) Tổ chức thực hiện chương trình khuyến khích tự nguyện tuân thủ; tổ chức thực hiện trao đổi, cung cấp thông tin, hỗ trợ người khai hải quan nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật quản lý thuế và pháp luật thuế.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số cụm từ, khoản, Phụ lục của Thông tư số 81/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan

1. Sửa cụm từ “pháp luật hải quan” tại khoản 8 Điều 3, khoản 2 Điều 20, khoản 2 Điều 21 thành cụm từ “pháp luật hải quan, pháp luật quản lý thuế và pháp luật thuế”;

2. Bãi bỏ khoản 3 Điều 9;

3. Sửa cụm từ “mức độ rủi ro đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh” tại Điều 29 thành cụm từ “mức độ rủi ro đối với hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh của phương tiện vận tải, người và hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh”;

4. Sửa cụm từ “mức độ rủi ro hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu” tại Điều 30 thành cụm từ “mức độ rủi ro đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu”;

5. Sửa cụm từ “pháp luật hải quan, pháp luật thuế” tại điểm 15 mục D Phụ lục I thành cụm từ “pháp luật hải quan, pháp luật quản lý thuế, pháp luật thuế”;

6. Sửa cụm từ “Bộ tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật đối với người khai hải quan tuân thủ” tại tiêu đề Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV, Phụ lục V thành cụm từ “Bộ tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật đối với người khai hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi tuân thủ”;

7. Sửa cụm từ “tham gia các chương trình thỏa thuận hợp tác, quan hệ đối tác (nếu có) với cơ quan hải quan” tại tiêu chí số 7 phần II, tiêu chí số 7 phần III Phụ lục II; cụm từ “tham gia các chương trình hợp tác, quan hệ đối tác” tại tiêu chí số 3 phần IV Phụ lục II thành cụm từ “tham gia quan hệ hợp tác với cơ quan hải quan”;

8. Sửa đổi phần I và Phần V Phụ lục II, phần I và Phần V Phụ lục III, phần I và Phần V phụ lục IV, phần I và Phần V Phụ lục V, Phụ lục VI thành

phần I và Phần V Phụ lục II, phần I và Phần V Phụ lục III, phần I và Phần V Phụ lục IV, phần I và Phần V Phụ lục V, Phụ lục VI Thông tư này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 03 năm 2024. Nội dung quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 1 Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

2. Thông tư này bãi bỏ Điều 24 Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trị giá hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và khoản 13 Điều 1 Thông tư số 60/2019/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản liên quan viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

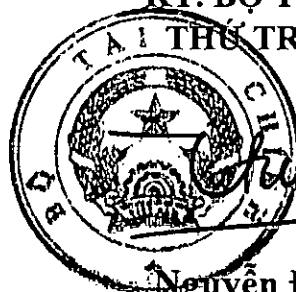
4. Trường hợp phát sinh vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) để được xem xét, hướng dẫn giải quyết.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ; các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- VP TW Đảng và các Ban của Đảng;
- VP Tổng Bí thư;
- VP Quốc Hội;
- VP Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc;
- Ủy ban Pháp luật;
- Ủy ban Tư pháp;
- Ủy ban Kinh tế;
- Ủy ban Tài chính- ngân sách;
- Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao;
- Toà án Nhân dân Tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ Tài chính;
- Công TTĐT Tổng cục Hải quan;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan;
- Lưu VT; TCHQ (QLRR-8b). *Ut*

KT. BỘ TRƯỞNG

TÀI THƯ TRƯỞNG



Nguyễn Đức Chi

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục II

**BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI NGƯỜI KHAI HẢI QUAN, DOANH NGHIỆP
KINH DOANH CẢNG, KHO, BÃI TUÂN THỦ MỨC 2**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06 /2024/TT-BTC ngày 28 tháng 1 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phần I. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

Stt	Tiêu chí
1	2
1.	Tiêu chí số 1. Doanh nghiệp không nằm trong danh sách doanh nghiệp tuân thủ Mức 1.
2.	Tiêu chí số 2. Doanh nghiệp, Chủ doanh nghiệp, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không bị xử lý về các hành vi vi phạm quy định tại điểm 1 Mục I Phụ lục VI <i>(Nhóm hành vi bị khởi tố, đề nghị khởi tố về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng cấm, gian lận thương mại, trốn thuế, gian lận thuế)</i> ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
3.	Tiêu chí số 3. Doanh nghiệp không bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại điểm 2 Mục I Phụ lục VI <i>(Nhóm hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng cấm, gian lận thương mại, trốn thuế, gian lận thuế)</i> , Mục II Phụ lục VI <i>(Nhóm hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi không chấp hành yêu cầu của cơ quan hải quan trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, kiểm tra sau thông quan, thanh tra)</i> , Mục III Phụ lục VI <i>(Nhóm hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi vi</i>

	<i>phạm bị xử phạt với số tiền vượt thẩm quyền của Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan và các chức danh tương đương) ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.</i>
4.	Tiêu chí số 4. Doanh nghiệp có tổng số lần bị xử phạt không vượt quá 1% trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp về các hành vi vi phạm tại Mục IV Phụ lục VI (<i>Nhóm hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi vi phạm bị xử phạt với số tiền thuộc thẩm quyền của Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan và các chức danh tương đương</i>) ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
5.	Tiêu chí số 5. Doanh nghiệp chưa từng nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá thời hạn 90 ngày, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
6.	Tiêu chí số 6. Doanh nghiệp không nằm trong danh sách các doanh nghiệp không có hoạt động tại địa chỉ trụ sở đăng ký theo kết quả kiểm tra, xác minh của cơ quan Hải quan hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo cho cơ quan Hải quan, trong thời gian 365 ngày trở về trước tính từ thời điểm đánh giá.
7.	Tiêu chí số 7. Tại thời điểm đánh giá, doanh nghiệp có tham gia quan hệ hợp tác với cơ quan hải quan.
8.	Tiêu chí số 8. Tại thời điểm đánh giá, doanh nghiệp không nằm trong danh sách doanh nghiệp tuân thủ thấp, không tuân thủ, theo kết quả đánh giá của Cơ quan Thuế cung cấp cho cơ quan Hải quan.
9.	Tiêu chí số 9. Doanh nghiệp có thời gian hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa trên 365 ngày, đồng thời có trên 100 tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa đã được thông quan trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá, hoặc có trên 50 tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa đã được thông quan trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá với tổng kim ngạch XNK trên 10 triệu đô la Mỹ.

Phần V. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DOANH NGHIỆP KINH DOANH CẢNG, KHO, BÃI

Stt	Tiêu chí
1	2
1.	Tiêu chí số 1. Doanh nghiệp không nằm trong danh sách doanh nghiệp tuân thủ Mức 1.
2.	Tiêu chí số 2. Doanh nghiệp, Chủ doanh nghiệp, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không bị xử lý về các hành vi vi phạm quy định tại điểm 1 Mục I Phụ lục VI (<i>Nhóm hành vi bị khởi tố, đề nghị khởi tố về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng cấm, gian lận thương mại, trốn thuế, gian lận thuế</i>) ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
3.	Tiêu chí số 3. Doanh nghiệp không bị xử phạt vi phạm về các hành vi vi phạm tại Mục VIII Phụ lục VI (<i>Nhóm hành vi vi phạm quy định về quản lý kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ, cửa hàng miễn thuế; vi phạm quy định về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại cảng, kho, bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan</i>) ban hành kèm theo Thông tư này, với tổng số tiền trong một lần xử phạt vượt thẩm quyền của Chi cục trưởng thuộc Chi cục Hải quan và các chức danh tương đương trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
4.	Tiêu chí số 4. Doanh nghiệp không bị xử phạt vi phạm về các hành vi vi phạm tại Mục VIII Phụ lục VI (<i>Nhóm hành vi vi phạm quy định về quản lý kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ, cửa hàng miễn thuế; vi phạm quy định về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại cảng, kho, bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan</i>) ban hành kèm theo Thông tư này, với tổng số tiền trong một lần xử phạt vượt thẩm quyền của Đội trưởng thuộc Chi cục Hải

	quan và các chức danh tương đương trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
5.	Tiêu chí số 5. Doanh nghiệp không bị xử phạt vi phạm về các hành vi vi phạm tại Mục VIII Phụ lục VI (<i>Nhóm hành vi vi phạm quy định về quản lý kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ, cửa hàng miễn thuế; vi phạm quy định về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại cảng, kho, bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan</i>) ban hành kèm theo Thông tư này, với tổng số tiền trong một lần xử phạt thuộc thẩm quyền của Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan và các chức danh tương đương trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
6.	Tiêu chí số 6. Tại thời điểm đánh giá, doanh nghiệp có tham gia quan hệ hợp tác với cơ quan hải quan.
7.	Tiêu chí số 7. Trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá, doanh nghiệp không có phát sinh thông tin chưa đáp ứng về một trong các tiêu chí sau: Cập nhật thông tin hàng hóa, thông tin sai khác theo quy định và gửi đến hệ thống dữ liệu điện tử hải quan; Cập nhật thông tin thay đổi nguyên trạng hàng hóa và gửi đến hệ thống dữ liệu điện tử hải quan; Cập nhật thông tin hàng hóa đưa vào, lưu trữ, đưa ra theo quy định và gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan
8.	Tiêu chí số 8. Doanh nghiệp có thời gian hoạt động trên 365 ngày.

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục III

**BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI NGƯỜI KHAI HẢI QUAN, DOANH NGHIỆP
KINH DOANH CẢNG, KHO, BÃI TUÂN THỦ MỨC 3**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06 /2024/TT-BTC ngày 29 tháng 1 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phần I. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

Stt	Tiêu chí
1	2
1.	Tiêu chí số 1. Doanh nghiệp không nằm trong danh sách doanh nghiệp tuân thủ Mức 1, Mức 2.
2.	Tiêu chí số 2. Doanh nghiệp, Chủ doanh nghiệp, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không bị xử lý về các hành vi vi phạm quy định tại tại điểm 1 Mục I Phụ lục VI <i>(Nhóm hành vi bị khởi tố, đề nghị khởi tố về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng cấm, gian lận thương mại, trốn thuế, gian lận thuế)</i> ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
3.	Tiêu chí số 3. Doanh nghiệp không bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại điểm 2 Mục I Phụ lục VI <i>(Nhóm hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng cấm, gian lận thương mại, trốn thuế, gian lận thuế)</i> , Mục II Phụ lục VI <i>(Nhóm hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi không chấp hành yêu cầu của cơ quan hải quan trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, kiểm tra sau thông</i>

		quan, thanh tra) ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
4.	Tiêu chí số 4.	Doanh nghiệp có tổng số lần bị xử phạt không vượt quá 1% trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp về các hành vi vi phạm tại Mục III Phụ lục VI (Nhóm hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi vi phạm bị xử phạt với số tiền vượt thẩm quyền của Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan và các chức danh tương đương) ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
5.	Tiêu chí số 5.	Doanh nghiệp có tổng số lần bị xử phạt không vượt quá 2% trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp về các hành vi vi phạm tại Mục IV Phụ lục VI (Nhóm hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi vi phạm bị xử phạt với số tiền thuộc thẩm quyền của Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan và các chức danh tương đương) ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
6.	Tiêu chí số 6.	Doanh nghiệp không còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá thời hạn 90 ngày tại thời điểm đánh giá.
7.	Tiêu chí số 7.	Doanh nghiệp có thời gian hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa trên 365 ngày, đồng thời có trên 50 tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa đã được thông quan trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá, hoặc có trên 25 tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa đã được thông quan trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá với tổng kim ngạch XNK trên 500 nghìn đô la Mỹ.



Phần V. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DOANH NGHIỆP KINH DOANH CẢNG, KHO, BÃI

Stt	Tiêu chí
1	2
1.	Tiêu chí số 1. Doanh nghiệp không nằm trong danh sách doanh nghiệp tuân thủ Mức 1, Mức 2.
2.	Tiêu chí số 2. Doanh nghiệp, Chủ doanh nghiệp, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không bị xử lý về các hành vi vi phạm quy định tại điểm 1 Mục I Phụ lục VI (<i>Nhóm hành vi bị khởi tố, đề nghị khởi tố về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng cấm, gian lận thương mại, trốn thuế, gian lận thuế</i>) ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá..
3.	Tiêu chí số 3. Doanh nghiệp không bị xử phạt vi phạm về các hành vi vi phạm tại Mục VIII Phụ lục VI (<i>Nhóm hành vi vi phạm quy định về quản lý kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ, cửa hàng miễn thuế; vi phạm quy định về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại cảng, kho, bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan</i>) ban hành kèm theo Thông tư này, với tổng số tiền trong một lần xử phạt vượt thẩm quyền của Chi cục trưởng thuộc Chi cục Hải quan và các chức danh tương đương trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
4.	Tiêu chí số 4. Doanh nghiệp không bị xử phạt vi phạm về các hành vi vi phạm tại Mục VIII Phụ lục VI (<i>Nhóm hành vi vi phạm quy định về quản lý kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ, cửa hàng miễn thuế; vi phạm quy định về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại cảng, kho, bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan</i>) ban hành kèm theo Thông tư này, với tổng số tiền trong một lần xử phạt vượt thẩm quyền của Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan và các chức danh tương đương trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.

5.	Tiêu chí số 5. Doanh nghiệp có tổng số lần bị xử phạt không vượt quá 01 lần về các hành vi vi phạm tại Mục VIII Phụ lục VI (<i>Nhóm hành vi vi phạm quy định về quản lý kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ, cửa hàng miễn thuế; vi phạm quy định về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại cảng, kho, bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan</i>) ban hành kèm theo Thông tư này, với tổng số tiền trong một lần xử phạt thuộc thẩm quyền của Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan và các chức danh tương đương trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
6.	Tiêu chí số 6. Trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá, doanh nghiệp không có phát sinh quá 01 lần thông tin chưa đáp ứng về một trong các tiêu chí sau: Cập nhật thông tin hàng hóa, thông tin sai khác theo quy định và gửi đến hệ thống dữ liệu điện tử hải quan; Cập nhật thông tin thay đổi nguyên trạng hàng hóa và gửi đến hệ thống dữ liệu điện tử hải quan; Cập nhật thông tin hàng hóa đưa vào, lưu trữ, đưa ra theo quy định và gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục IV

**BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI NGƯỜI KHAI HẢI QUAN, DOANH NGHIỆP
KINH DOANH CẢNG, KHO, BÃI TUÂN THỦ MỨC 4**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06 /2024/TT-BTC ngày 23 tháng 1 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phần I. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

Stt	Tiêu chí
1	2
1.	Tiêu chí số 1. Doanh nghiệp không nằm trong danh sách doanh nghiệp tuân thủ Mức 1, Mức 2, Mức 3.
2.	Tiêu chí số 2. Doanh nghiệp, Chủ doanh nghiệp, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không bị xử lý về các hành vi vi phạm quy định tại tại điểm 1 Mục I Phụ lục VI <i>(Nhóm hành vi bị khởi tố, đề nghị khởi tố về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng cấm, gian lận thương mại, trốn thuế, gian lận thuế)</i> ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
3.	Tiêu chí số 3. Doanh nghiệp không bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại điểm 2 Mục I Phụ lục VI <i>(Nhóm hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng cấm, gian lận thương mại, trốn thuế, gian lận thuế)</i> , Mục II Phụ lục VI <i>(Nhóm hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi không chấp hành yêu cầu của cơ quan hải quan trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, kiểm tra sau thông</i>

		quan, thanh tra) ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
4.	Tiêu chí số 4.	Doanh nghiệp có tổng số lần bị xử phạt không vượt quá 2% trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp về các hành vi vi phạm tại Mục III Phụ lục VI (<i>Nhóm hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi vi phạm bị xử phạt với số tiền vượt thẩm quyền của Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan và các chức danh tương đương</i>) ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
5.	Tiêu chí số 5.	Doanh nghiệp có tổng số lần bị xử phạt không vượt quá 3% trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp về các hành vi vi phạm tại Mục IV Phụ lục VI (<i>Nhóm hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi vi phạm bị xử phạt với số tiền thuộc thẩm quyền của Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan và các chức danh tương đương</i>) ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá, loại trừ các hành vi vi phạm quy định về khai hải quan quy định tại điểm b, điểm c Khoản 1, Khoản 6 Điều 8, Khoản 2, điểm d Khoản 3 Điều 9, điểm b Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hải quan
6.	Tiêu chí số 6.	Doanh nghiệp không còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá thời hạn 90 ngày tại thời điểm đánh giá.



Phần V. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DOANH NGHIỆP KINH DOANH CẢNG, KHO, BÃI

Stt	Tiêu chí
1	2
1.	Tiêu chí số 1. Doanh nghiệp không nằm trong danh sách doanh nghiệp tuân thủ Mức 1, Mức 2, Mức 3
2.	Tiêu chí số 2. Doanh nghiệp, Chủ doanh nghiệp, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không bị xử lý về các hành vi vi phạm quy định tại điểm 1 Mục I Phụ lục VI (<i>Nhóm hành vi bị khởi tố, đề nghị khởi tố về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng cấm, gian lận thương mại, trốn thuế, gian lận thuế</i>) ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
3.	Tiêu chí số 3. Doanh nghiệp không bị xử phạt vi phạm về các hành vi vi phạm tại Mục VIII Phụ lục VI (<i>Nhóm hành vi vi phạm quy định về quản lý kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ, cửa hàng miễn thuế; vi phạm quy định về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại cảng, kho, bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan</i>) ban hành kèm theo Thông tư này, với tổng số tiền trong một lần xử phạt vượt thẩm quyền của Chi cục trưởng thuộc Chi cục Hải quan và các chức danh tương đương trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
4.	Tiêu chí số 4. Doanh nghiệp có tổng số lần bị xử phạt không vượt quá 01 lần về các hành vi vi phạm tại Mục VIII Phụ lục VI (<i>Nhóm hành vi vi phạm quy định về quản lý kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ, cửa hàng miễn thuế; vi phạm quy định về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại cảng, kho, bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan</i>) ban hành kèm theo Thông tư này, với tổng số tiền trong một lần xử phạt vượt thẩm quyền của Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan và các chức danh tương đương trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.



5.	Tiêu chí số 5. Doanh nghiệp có tổng số lần bị xử phạt không vượt quá 02 lần về các hành vi vi phạm tại Mục VIII Phụ lục VI (<i>Nhóm hành vi vi phạm quy định về quản lý kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ, cửa hàng miễn thuế; vi phạm quy định về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại cảng, kho, bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan</i>) ban hành kèm theo Thông tư này, với tổng số tiền trong một lần xử phạt thuộc thẩm quyền của Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan và các chức danh tương đương trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
6.	Tiêu chí số 6. Trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá, doanh nghiệp không có phát sinh vượt quá 02 lần thông tin chưa đáp ứng về một trong các tiêu chí sau: Cập nhật thông tin hàng hóa, thông tin sai khác theo quy định và gửi đến hệ thống dữ liệu điện tử hải quan; Cập nhật thông tin thay đổi nguyên trạng hàng hóa và gửi đến hệ thống dữ liệu điện tử hải quan; Cập nhật thông tin hàng hóa đưa vào, lưu trữ, đưa ra theo quy định và gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục V

**BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI NGƯỜI KHAI HẢI QUAN, DOANH NGHIỆP
KINH DOANH CẢNG, KHO, BÃI TUÂN THỦ MỨC 5**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06 /2024/TT-BTC ngày 23 tháng 1 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phần I. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

Stt	Tiêu chí
1	2
1.	Tiêu chí số 1. Doanh nghiệp, Chủ doanh nghiệp, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bị xử lý về các hành vi vi phạm quy định tại điểm 1 Mục I Phụ lục VI <i>(Nhóm hành vi bị khởi tố, đề nghị khởi tố về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng cấm, gian lận thương mại, trốn thuế, gian lận thuế)</i> ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
2.	Tiêu chí số 2. Doanh nghiệp bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại điểm 2 Mục I Phụ lục VI <i>(Nhóm hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng cấm, gian lận thương mại, trốn thuế, gian lận thuế)</i> , Mục II Phụ lục VI <i>(Nhóm hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi không chấp hành yêu cầu của cơ quan hải quan trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, kiểm tra sau</i>

	<i>thông quan, thanh tra)</i> ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
3.	<i>Tiêu chí số 3.</i> Doanh nghiệp có tổng số lần bị xử phạt vượt quá 2% trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp về các hành vi vi phạm tại Mục III Phụ lục VI (<i>Nhóm hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi vi phạm bị xử phạt với số tiền vượt thẩm quyền của Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan và các chức danh tương đương</i>) ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
4.	<i>Tiêu chí số 4.</i> Doanh nghiệp có tổng số lần bị xử phạt vượt quá 3% trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp về các hành vi vi phạm tại Mục IV Phụ lục VI (<i>Nhóm hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi vi phạm bị xử phạt với số tiền thuộc thẩm quyền của Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan và các chức danh tương đương</i>) ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá, loại trừ các hành vi vi phạm quy định về khai hải quan quy định tại điểm b, điểm c Khoản 1, Khoản 6 Điều 8, Khoản 2, điểm d Khoản 3 Điều 9, điểm b Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hải quan.
5.	<i>Tiêu chí số 5.</i> Doanh nghiệp còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá thời hạn 90 ngày tại thời điểm đánh giá.



Phần V. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DOANH NGHIỆP KINH DOANH CẢNG, KHO, BÃI

Stt	Tiêu chí
1	2
1.	Tiêu chí số 1. Doanh nghiệp, Chủ doanh nghiệp, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bị xử lý về các hành vi vi phạm quy định tại điểm 1 Mục I Phụ lục VI (<i>Nhóm hành vi bị khởi tố, đề nghị khởi tố về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng cấm, gian lận thương mại, trốn thuế, gian lận thuế</i>) ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
2.	Tiêu chí số 2. Doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm về các hành vi vi phạm tại Mục VIII Phụ lục VI (<i>Nhóm hành vi vi phạm quy định về quản lý kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ, cửa hàng miễn thuế; vi phạm quy định về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại cảng, kho, bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan</i>) ban hành kèm theo Thông tư này, với tổng số tiền trong một lần xử phạt vượt thẩm quyền của Chi cục trưởng thuộc Chi cục Hải quan và các chức danh tương đương trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
3.	Tiêu chí số 3. Doanh nghiệp có tổng số lần bị xử phạt vượt quá 01 lần về các hành vi vi phạm tại Mục VIII Phụ lục VI (<i>Nhóm hành vi vi phạm quy định về quản lý kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ, cửa hàng miễn thuế; vi phạm quy định về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại cảng, kho, bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan</i>) ban hành kèm theo Thông tư này, với tổng số tiền trong một lần xử phạt vượt thẩm quyền của Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan và các chức danh tương đương trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
4.	Tiêu chí số 4. Doanh nghiệp có tổng số lần bị xử phạt vượt quá 02 lần về các hành vi vi phạm tại Mục VIII Phụ lục VI (<i>Nhóm hành vi vi phạm quy định về quản lý kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom</i>

	<i>hàng lẻ, cửa hàng miễn thuế; vi phạm quy định về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại cảng, kho, bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan) ban hành kèm theo Thông tư này, với tổng số tiền trong một lần xử phạt thuộc thẩm quyền của Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan và các chức danh tương đương trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.</i>
5.	Tiêu chí số 5. Trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá, doanh nghiệp có phát sinh vượt quá 02 lần thông tin chưa đáp ứng về một trong các tiêu chí sau: Cập nhật thông tin hàng hóa, thông tin sai khác theo quy định và gửi đến hệ thống dữ liệu điện tử hải quan; Cập nhật thông tin thay đổi nguyên trạng hàng hóa và gửi đến hệ thống dữ liệu điện tử hải quan; Cập nhật thông tin hàng hóa đưa vào, lưu trữ, đưa ra theo quy định và gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan thông tin hàng hóa đưa vào, lưu trữ, đưa ra theo quy định.

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục VI

DANH MỤC HÀNH VI VI PHẠM ÁP DỤNG TRONG ĐÁNH GIÁ TUÂN THỦ ĐỐI VỚI NGƯỜI KHAI HẢI QUAN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06 /2024/TT-BTC ngày 29 tháng 1 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

I. Nhóm hành vi buôn lậu; vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới; sản xuất, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển hàng cấm; sản xuất, buôn bán hàng giả; vi phạm quyền sở hữu công nghiệp; đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam; vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm; sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sản xuất và sử dụng trái phép chất ma túy; vi phạm quy định về quản lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần; chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ; rửa tiền; làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; gian lận thương mại; trốn thuế, gian lận thuế:

1. Nhóm hành vi bị khởi tố, bị đề nghị khởi tố đối với các tội danh được quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

- a) Tội buôn lậu;
- b) Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới;
- c) Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm;
- d) Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm;
- e) Tội sản xuất, buôn bán hàng giả;
- f) Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm;
- g) Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh;
- h) Tội trốn thuế;
- i) Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp;
- j) Tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam;
- k) Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm;
- l) Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy;



m) Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy;

n) Tội vi phạm quy định về quản lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần;

o) Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ;

p) Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ;

q) Tội rửa tiền;

r) Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức;

2. Nhóm hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính:

a) Hành vi đánh tráo hàng hoá đã kiểm tra hải quan với hàng hoá chưa kiểm tra hải quan;

b) Hành vi không bảo đảm nguyên trạng niêm phong hải quan, không bảo đảm nguyên trạng niêm phong của hãng vận chuyển đối với trường hợp không phải niêm phong hải quan theo quy định trong quá trình vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan, sử dụng niêm phong hải quan giả mạo hoặc niêm phong của hãng vận chuyển giả mạo;

c) Hành vi sử dụng chứng từ, tài liệu giả mạo; sử dụng chứng từ, tài liệu không hợp pháp để khai, nộp, xuất trình cho cơ quan hải quan mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Hành vi sử dụng bất hợp pháp tài khoản đăng nhập, chữ ký số được cấp cho tổ chức, cá nhân khác để thực hiện thủ tục hải quan;

đ) Hành vi truy cập trái phép, làm sai lệch, phá hủy hệ thống thông tin hải quan;

e) Hành vi chứa chấp, mua bán, vận chuyển hàng hóa, tiền tệ vàng, kim loại quý khác, đá quý qua biên giới mà không phải là tội phạm;

g) Hành vi tự ý thay đổi bao bì, nhãn hàng hoá đang chịu sự giám sát hải quan;

h) Hành vi tiêu thụ hàng hoá đang chịu sự giám sát hải quan; Hành vi tiêu thụ hàng hóa được đưa về bảo quản chờ hoàn thành việc thông quan theo quy định;

i) Hành vi tiêu thụ phương tiện vận tải đăng ký lưu hành tại nước ngoài tạm nhập cảnh vào Việt Nam;

j) Hành vi chứa chấp, mua, bán, vận chuyển hàng hóa tiền tệ vàng, kim loại quý khác, đá quý qua biên giới mà tang vật vi phạm có trị giá từ 50 triệu đồng trở lên mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

k) Hành vi tẩu tán, tiêu huỷ hoặc vứt bỏ hàng hoá để trốn tránh sự kiểm tra, giám sát, kiểm soát Hải quan;

l) Hành vi trốn thuế, gian lận thuế;

m) Hành vi vi phạm về hạn ngạch, giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu hàng hóa: Hành vi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo quy định phải có hạn ngạch, giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu nhưng không có hạn ngạch, giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu hàng hóa, trong trường hợp hàng hóa vi phạm có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

n) Hành vi vi phạm về tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập hàng hóa: Hành vi kinh doanh tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập những mặt hàng quy định phải có giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà không có giấy phép theo quy định;

o) Hành vi đặt gia công hàng hóa hoặc nhận gia công hàng hóa với thương nhân nước ngoài loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải có giấy phép mà không được sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

p) Các vi phạm trong lĩnh vực hải quan; các vi phạm thuộc lĩnh vực khác do cơ quan hải quan xử phạt, với số tiền xử phạt trên 50 triệu đồng tính trung bình trên mỗi tờ khai vi phạm trong một lần xử phạt, không thuộc các trường hợp nêu tại Mục II Danh mục này.

II. Nhóm hành vi không chấp hành yêu cầu của cơ quan hải quan trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, kiểm tra sau thông quan, thanh tra

1. Không bố trí người, phương tiện để thực hiện các yêu cầu của cơ quan hải quan về kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải.

2. Không chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra của cơ quan hải quan.

3. Không xuất trình hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan, hàng hóa còn đang lưu giữ là đối tượng kiểm tra sau thông quan để cơ quan hải quan kiểm tra theo quy định của pháp luật hải quan.

4. Không chấp hành lệnh dừng, khám xét phương tiện vận tải theo quy định;

5. Không cung cấp sơ đồ hầm hàng, chỉ dẫn, mở nơi nghi vấn cất giữ hàng hóa trên phương tiện vận tải để thực hiện quyết định khám hành chính.

6. Không cung cấp hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu điện tử liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh cho cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật.

7. Bốc dỡ hàng hóa không đúng cảng đích ghi trong bản lược khai hàng hóa, vận tải đơn;

8. Xếp dỡ, chuyển tải, sang mạn, sang toa, cắt toa hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trên phương tiện vận tải đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan mà không có sự đồng ý của cơ quan hải quan.

III. Nhóm hành vi vi phạm bị xử phạt với số tiền vượt thẩm quyền của Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan và các chức danh tương đương

Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực hải quan; các hành vi vi phạm thuộc lĩnh vực khác do cơ quan hải quan xử phạt, với số tiền vượt thẩm quyền của Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan và các chức danh tương đương trong một lần xử phạt không thuộc các trường hợp nêu tại các Mục I, Mục II nêu trên.

IV. Nhóm hành vi vi phạm bị xử phạt với số tiền thuộc thẩm quyền của Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan và các chức danh tương đương

Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực hải quan; các hành vi vi phạm thuộc lĩnh vực khác do cơ quan hải quan xử phạt, với số tiền thuộc thẩm quyền của Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan và các chức danh tương đương trong một lần xử phạt không thuộc các trường hợp nêu tại các Mục I, Mục II, Mục III nêu trên.

V. Nhóm hành vi vi phạm trong lĩnh vực hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/1/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan và Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC

1. Hành vi không thực hiện chế độ báo cáo tình hình hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 (sau đây viết tắt là báo cáo) hoặc thực hiện chế độ báo cáo không đúng, không đủ về nội dung hoặc không đúng thời hạn với cơ quan hải quan trong 02 lần liên tiếp.

2. Hành vi không thông báo cho cơ quan hải quan trong các trường hợp:

a) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị xử lý hành vi vi phạm các quy định của pháp luật đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị xử lý đối với hành vi buôn lậu; vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới; sản xuất, buôn bán hàng cấm.

trốn thuế hoặc hối lộ cán bộ, công chức hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan;

c) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho người khác sử dụng mã số của mình hoặc sử dụng mã số của người khác hoặc sử dụng mã số không phải do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan cấp để làm thủ tục hải quan; hoặc cho người khác sử dụng hồ sơ của mình để thực hiện thủ tục công nhận đại lý làm thủ tục hải quan hoặc cấp mã nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan;

d) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan chuyển làm việc khác hoặc chuyển sang làm việc cho đại lý làm thủ tục hải quan khác hoặc chấm dứt hợp đồng lao động; Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan khi chuyển sang làm việc cho đại lý làm thủ tục hải quan khác thì phải thực hiện cấp mã số mới theo quy định tại Thông tư này;

e) Đại lý làm thủ tục hải quan bị chấm dứt hoạt động;

g) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan sử dụng mã số đã hết thời hạn hiệu lực để làm thủ tục hải quan.

VI. Nhóm hành vi vi phạm trong lĩnh vực bưu chính áp dụng đánh giá tuân thủ đối với người khai hải quan là doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính quốc tế, doanh nghiệp cung ứng chuyển phát nhanh quốc tế theo Điều 9 Điều 10 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và khoản 10 Điều 1 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản.

1. Các hành vi vi phạm các quy định về vật phẩm, hàng hóa không được gửi, chấp nhận, vận chuyển qua mạng bưu chính.

2. Các hành vi vi phạm các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh trong cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính.

VII. Nhóm hành vi vi phạm của người khai hải quan là chủ phương tiện, người được chủ phương tiện xuất nhập cảnh ủy quyền.

1. Xếp dỡ, chuyển tải, sang mạn, sang toa, cắt toa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trên phương tiện vận tải đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan mà không được sự đồng ý của cơ quan hải quan.

2. Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, đúng thời hạn hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu điện tử liên quan đến phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh khi cơ quan hải quan yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Đưa phương tiện vận tải qua lại biên giới quốc gia trên đất liền không đúng tuyến đường, không đúng cửa khẩu quy định, không làm thủ tục hải quan theo quy định.

4. Xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải không đúng nội dung giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.

5. Không tái xuất, tái nhập phương tiện vận tải đúng thời hạn quy định.

VIII. Nhóm hành vi vi phạm quy định về quản lý kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ, cửa hàng miễn thuế; vi phạm quy định về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại cảng, kho, bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan

1. Đưa hàng hóa, máy móc, thiết bị từ nội địa vào kho ngoại quan để phục vụ cho các hoạt động đóng gói, phân loại, bảo dưỡng mà không thông báo với cơ quan hải quan.

2. Thực hiện các dịch vụ gia cố, chia gói, đóng gói bao bì; đóng ghép hàng hóa, phân loại phẩm cấp hàng hóa, bảo dưỡng hàng hóa và lấy mẫu hàng hóa trong kho ngoại quan mà không thông báo để cơ quan hải quan theo dõi, giám sát;

3. Chuyển quyền sở hữu hàng hóa gửi kho ngoại quan mà không thông báo để cơ quan hải quan quản lý, theo dõi.

4. Không đưa hàng hóa, nguyên liệu, vật tư ra khỏi kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ, cửa hàng miễn thuế, kho của doanh nghiệp bán hàng miễn thuế khi quá thời hạn lưu giữ theo quy định.

5. Di chuyển hàng hóa từ kho ngoại quan này sang kho ngoại quan khác khi chưa có văn bản đồng ý của người có thẩm quyền của cơ quan hải quan nơi quản lý kho ngoại quan.

6. Mở rộng, thu hẹp, di chuyển địa điểm cửa hàng miễn thuế, kho ngoại quan, kho hàng không kéo dài, địa điểm thu gom hàng lẻ, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan không được phép của cơ quan hải quan.

7. Thực hiện các dịch vụ không được phép trong kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ.

8. Không thực hiện chế độ báo cáo đối với kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ đúng thời hạn quy định.

9. Đưa vào kho ngoại quan hàng hóa thuộc diện không được gửi kho ngoại quan theo quy định của pháp luật.

10. Tẩu tán hàng hóa lưu giữ trong kho ngoại quan.

11. Tiêu hủy hàng hóa lưu giữ trong kho ngoại quan, kho bảo thuế không đúng quy định pháp luật.

12. Không thông báo đúng thời hạn tình hình hàng hóa tồn đọng tại cảng, kho, bãi thuộc địa bàn hoạt động hải quan.

13. Không sắp xếp hàng hóa trong khu vực cảng, kho, bãi theo yêu cầu giám sát, quản lý của cơ quan hải quan.

14. Không thực hiện đầy đủ chế độ quản lý, thống kê, lưu giữ chứng từ, sổ sách, số liệu hàng hóa đưa vào lưu giữ, đưa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi theo quy định của pháp luật và xuất trình, cung cấp cho cơ quan hải quan khi có yêu cầu.

15. Không thực hiện việc cung cấp thông tin và phối hợp với cơ quan hải quan trong việc theo dõi, kiểm tra, giám sát hàng hóa ra, vào, lưu giữ tại khu vực cảng, kho, bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan.

16. Cho phép đưa hàng hóa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi khi chưa nhận được thông tin hàng hóa đủ điều kiện qua khu vực giám sát hoặc đã nhận được thông tin tạm dừng đưa hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan.

